

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY TN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 338/2022/DS-PT  
Ngày: 23-12-2022  
V/v Tranh chấp về hợp đồng  
dịch vụ.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY TN*****- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bình.

*Các thẩm phán:* Bà Phạm Thị Hồng Vân;

Ông Phạm Văn Diệp.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Minh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây TN.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây TN tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Bé Thi- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây TN xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 368/2022/TLPT- DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 77/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng B, tỉnh Tây TN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 350/2022/QĐXX-PT ngày 08 tháng 11 năm 2022; giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* ông Đỗ Văn S (Đỗ Văn Út), sinh năm 1965; địa chỉ: số 22, hẻm 5, đường Pasteur, khu phố 3, phường 2, thành phố Tây TN, tỉnh Tây TN. (có mặt)

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu L, là luật sư Công ty luật TNHH MTV Tài L Tây TN, thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

*Bị đơn:* Chị Phạm Thị Hồng C, sinh năm 1983; địa chỉ: khu phố L Thành, phường Trảng B, thị xã Trảng B, tỉnh Tây TN. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Thị Hồng C: Ông Võ Văn S, sinh năm: 1971, trú tại: 35/58 đường CMT8, tổ 2, khu phố 3, phường 3, thành phố Tây TN, tỉnh Tây TN. (có mặt)

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Lê Nguyễn Kim H là luật sư- Văn phòng luật sư Lê Nguyễn Kim H, thuộc đoàn luật sư tỉnh Tây TN. (có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Đỗ Văn S (Đỗ Văn Út) trình bày:*

Ông làm nghề trang trí nội thất đồ gỗ cho các công trình xây dựng. Năm 2019 ông và chị Phạm Thị Hồng C có thỏa thuận xây dựng trang trí nội thất đồ gỗ nhà ở tại khu phố An Quới, phường An Hòa, thị xã Trảng B, thị xã Trảng B, tỉnh Tây TN cho chị Phạm Thị Hồng C. Đến ngày 06 tháng 7 năm 2021 công trình nhà ở của chị C đã hoàn thành, ông và chị C lập bảng chiết tính khối lượng giá trị ông đã trang trí đồ gỗ nhà chị C như sau: giường 41 cái x 10.000.000 đồng = 410.000.000 đồng; tủ 38 cây x 10.000.000 đồng = 380.000.000 đồng; Bàn trà 28 bộ x 10.000.000 đồng = 280.000.000 đồng; bàn trang điểm 28 bộ x 10.000.000 đồng = 280.000.000 đồng; cửa phòng 38 cánh x 7.600.000 đồng = 286.000.000 đồng; tab đầu giường 20 cái x 2.500.000 đồng = 50.000.000 đồng; tổng số tiền 1.686.500.000 đồng. Ông đã ứng số tiền 1.200.000.000 đồng. Theo thỏa thuận tại bản chiết tính khi kết thúc công trình vài ngày bên A thanh toán cho bên B 65.000.000 đồng (S mươi lăm triệu đồng) còn lại 486.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi S triệu đồng). Sau phục hồi khách sạn bên B có ứng thêm cho bên A 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và phát sinh thêm 1 cái giường, 1 cái tủ, 10 cái tab đầu giường với tổng số tiền là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng). Tổng số tiền còn lại bên A thanh toán cho bên B là 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Bảng chiết tính được chị Phạm Thị Hồng C và ông cùng ký tên từ ngày 6 tháng 7 năm 2021. Đến tháng 10-

2021 ông đến gặp chị C đề nghị trả số tiền 375.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) để giải quyết khó khăn gia đình mình nhưng chị C không trả.

Nay ông khởi kiện yêu cầu chị Phạm Thị Hồng C trả số tiền thi công còn lại là 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi là 24.900.000 đồng (hai mươi bốn triệu chín trăm nghìn đồng). Yêu cầu chị C trả số tiền 30.000.000 đồng tiền sửa chữa khách sạn.

*Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* hai bên có ký hợp đồng gia công đồ gỗ, trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên có thỏa thuận thực hiện các công việc bổ sung và tính đến ngày 06-7-2021 chị C còn nợ ông S (Út) số tiền 375.000.000 đồng và 30.000.000 đồng tiền sửa chữa phát sinh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Phạm Thị Hồng C trả cho ông S số tiền thi công còn lại là 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi là 24.900.000 đồng (hai mươi bốn triệu chín trăm nghìn đồng); trả số tiền 30.000.000 đồng tiền sửa chữa khách sạn.

*Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Phạm Thị Hồng C trình bày:*

Chị và ông S (Út) không có bà con dòng họ gì cả chỉ quen biết do hai bên qua lại làm ăn với nhau. không nhớ ngày nào chị và ông S (Út) có ký hợp đồng dịch vụ làm nội thất cho khách sạn Hotel C&C, ở khu phố An Quới, phường An Hòa, thị xã Trảng B, tỉnh Tây TN. Theo hợp đồng hai bên thỏa thuận ông S lắp đặt cửa phòng, tủ, giường, bàn trang điểm, bàn trà, tủ đầu giường cho 39 phòng của khách sạn, thỏa thuận phẩm chất là gỗ Cẩm Xe, thời gian thực hiện hợp đồng là 01 năm; giá trị hợp đồng là 1.664.000.000 đồng. Thỏa thuận thanh toán tiền là chia từng đợt thanh toán, cụ thể: ngày 14-7-2019 trả 500.000.000 đồng, ngày 04-12-2019 trả 100.000.000 đồng; ngày 03-07-2020 trả 600.000.000 đồng; ngày 26-7-2020 trả thêm 64.000.000 đồng; ngày 14-5-2021 trả thêm 90.000.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền trả thợ bê trát, những lần ứng tiền ông S có ký xác nhận giấy tay sau hợp đồng giữa hai bên và ngày 30-6-2021 chị có chuyển khoản cho ông S (Út) thêm 200.000.000 đồng; tổng cộng là 1.559.000.000 đồng. Hai bên thỏa

thuận khi nào thực hiện xong hợp đồng sẽ nghiệm thu sản phẩm và thanh toán hết tiền.

Hợp đồng không thực hiện đúng thời gian do sau ngày 03-7-2020 thì khách sạn bị sự cố bị lún nghiêng nên phải khắc phục gần 01 năm đến tháng 05-2021 thì công trình khắc phục xong sự cố và ông S (Út) tiếp tục quay lại thực hiện tiếp công việc thỏa thuận giữa hai bên. Ông S đã thực hiện xong công việc vào ngày 30-6-2021. Sau ngày 30-6-2021 hai bên chưa tiến hành nghiệm thu công trình do các sản phẩm không đúng chất lượng bị nứt chệch yêu cầu ông S (Út) xuống sửa chữa nhưng ông S không thực hiện. Hiện nay chị còn nợ ông S 95.000.000 đồng.

Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông S (Út) vì chị chỉ còn nợ ông S (Út) số tiền 95.000.000 đồng, chỉ đồng ý trả cho ông S (Út) số tiền 95.000.000 đồng và không đồng ý trả tiền lãi. Tuy nhiên chị chỉ đồng ý trả tiền khi ông S đã khắc phục các lỗi sản phẩm lại cho chị. Chị đồng ý trả cho ông S số tiền 30.000.000 đồng chi phí khắc phục sửa chữa khách sạn.

*Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng B, tỉnh Tây TN đã tuyên xử:*

Căn cứ Điều 357, 468, 513, 515, 516, 517, 518, 519 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn S (Đỗ Văn Út) về tranh chấp hợp đồng dịch vụ với chị Phạm Thị Hồng C.

Buộc chị Phạm Thị Hồng C có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Văn S (Đỗ Văn Út) số tiền 405.000.000 (bốn trăm lẻ năm triệu) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn S (Đỗ Văn Út) yêu cầu chị Phạm Thị Hồng C trả số tiền lãi chậm trả 24.900.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26/9/2022, chị Phạm Thị Hồng C có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không đồng ý trả số tiền 375.000.000 đồng.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây TN tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Ngày 14-9-2022, Tòa án nhân dân thị xã Trảng B, tỉnh Tây TN tuyên án sơ thẩm. Ngày 26-9-2022, bị đơn chị Phạm Thị Hồng C có đơn kháng cáo. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; đơn kháng cáo của chị C nộp trong thời hạn kháng cáo và đúng theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ kiện:

Ông Đỗ Văn S (Đỗ Văn Út) và chị Phạm Thị Hồng C có ký hợp đồng gia công đồ gỗ, trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên có thỏa thuận thực hiện các công việc bổ sung và tính đến ngày 06-7-2021 chị C còn nợ ông S (Út) số tiền 375.000.000 đồng và 30.000.000 đồng tiền sửa chữa phát sinh. Việc giao kết hợp đồng giữa hai bên là có xảy ra trên thực tế; các bên đã thực hiện hợp đồng và theo bản chiết tính hai bên ký kết ngày 06-7-2021 thì số tiền còn nợ lại của hợp đồng là 375.000.000 đồng và 30.000.000 đồng tiền sửa chữa phát sinh. Chị C cho rằng chị đã chuyển khoản cho ông S số tiền 200.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử: Buộc chị Phạm Thị Hồng C có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Văn S (Đỗ Văn Út) số tiền 405.000.000 (bốn trăm lẻ năm triệu) đồng.

Ngày 26/9/2022, chị Phạm Thị Hồng C có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chị C không đồng ý trả số tiền 375.000.000 đồng.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn chị Phạm Thị Hồng C thấy rằng:

Ngày 06 tháng 7 năm 2021, ông Đỗ Văn S và Chị Phạm Thị Hồng C ký bảng chiết tính là Chị C còn nợ ông S số tiền 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy

mười lăm triệu đồng) và trong quá trình giải quyết chị C thừa nhận còn nợ 30.000.000 đồng tiền sửa chữa phát sinh. Do đó ,có căn cứ cho rằng chị C còn nợ ông S số tiền 405.000.000 đồng. Chị C kháng cáo cho rằng chị có chuyển khoản cho ông S số tiền 200.000.000 đồng. Ông S thừa nhận có nhận số tiền chị C chuyển là 200.000.000 đồng. Ông S cho rằng ông nhận số tiền 200.000.000 đồng chị C chuyển là để thanh toán cho 01 hợp đồng miệng khác có giá trị là 245.100.000 đồng và hiện tại chị C còn nợ ông số tiền 45.100.000 đồng ông sẽ khởi kiện ở 01 vụ án khác.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị Phạm Thị Hồng C có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Văn S số tiền 405.000.000 đồng là chưa chính xác mà cần phải khấu trừ số tiền 200.000.000 đồng chị C đã chuyển khoản cho ông S. Việc ông S cho rằng số tiền 200.000.000 đồng chị C chuyển khoản cho ông là ở 01 hợp đồng miệng khác có giá trị là 245.100.000 đồng. Vấn đề này ông S có quyền yêu cầu giải quyết ở 01 vụ kiện khác.

Từ những phân tích nêu trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Thị Hồng C. Sửa bản án sơ thẩm.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây TN không chấp nhận kháng cáo của chị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chị C kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Phạm Thị Hồng C. Sửa bản án bản án sơ thẩm số 77/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng B, tỉnh Tây TN.

Căn cứ Điều 357, 468, 513, 515, 516, 517, 518, 519 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn S (Đỗ Văn Út) về tranh chấp hợp đồng dịch vụ với chị Phạm Thị Hồng C.

Buộc chị Phạm Thị Hồng C có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Văn S (Đỗ Văn Út) số tiền 205.000.000 (hai trăm lẻ năm triệu) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn S (Đỗ Văn Út) yêu cầu chị Phạm Thị Hồng C trả số tiền lãi chậm trả 24.900.000 đồng.

3. Về án phí:

Chị Phạm Thị Hồng C phải chịu số tiền 10.250.000 đồng (mười triệu hai trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đỗ Văn S (Đỗ Văn Út) phải chịu 11.245.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.747.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026564 ngày 28-4-2022 và số 0026735 ngày 16-8-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng B, tỉnh Tây TN. Ông S còn phải nộp 597.500 đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Phạm Thị Hồng C không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai thu số: 0026770 ngày 26-9-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng B, tỉnh Tây TN.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhân:**

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKS tỉnh Tây TN;
- Chi cục THADS thị xã Trảng B;
- TAND thị xã Trảng B;
- Các đương sự;
- LưuTDS;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Bình**